

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/DS-PT

Ngày 17 – 3 – 2023

V/v Tranh chấp “Hợp đồng góp hội;
HĐ vay tài sản; Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan;
Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội; Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T (Tur H), sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Võ Thị Minh Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/3/2023 của Phòng Công chứng S tỉnh Tiền Giang).

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Bà T là hội viên có tham gia 49 dây hội do bà H, ông D làm chủ hội, cụ thể như sau:

1. Dây hội khai ngày 15/8/2014 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia góp 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 22 lần thì bể hội, với số tiền là 22.000.000đ (ký hiệu dây hội 18C).

2. Dây hội khai ngày 15/8/2014 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 22 lần thì hội bể, với số tiền là 22.000.000đ (ký hiệu dây hội 19C).

3. Dây hội khai ngày 28/01/2016 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000đ, có 26 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 18 lần thì bể hội, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hội 27C).

4. Dây hội khai ngày 15/11/2016 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 03 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 60 kỳ của 03 phần thì bể hội, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 60 lần, với số tiền là 60.000.000đ (ký hiệu dây hội 6D).

5. Dây hội khai ngày 01/02/2017 âm lịch, hội 1.000.000đ, hội mùa một năm khai 04 lần, có 23 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 19 lần thì bể hội, với số tiền là 19.000.000đ (ký hiệu dây hội 7D).

6. Dây hội khai ngày 02/02/2017 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 1.000.000đ, có 19 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 19 lần thì bể hội, với số tiền là 19.000.000đ (ký hiệu dây hội 8D).

7. Dây hội khai ngày 01/02/2017 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 19 lần thì bể hội, với số tiền là 19.000.000đ (ký hiệu dây hội 9D).

8. Dây hội khai ngày 10/5/2017 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 1.000.000đ, có 21 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hội này tôi đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 18 lần thì bể hội, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hội 10D).

9. Dây hụi khui ngày 10/5/2020 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 20 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 18 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hụi 11D).

10. Dây hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 20 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 18 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hụi 12D).

11. Dây hụi khui ngày 10/8/2017 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 22 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 17.000.000đ (ký hiệu dây hụi 13D).

12. Dây hụi khui ngày 10/8/2017 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 21 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 17.000.000đ (ký hiệu dây hụi 14D).

13. Dây hụi khui ngày 07/11/2017 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 21 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 32 lần của 02 phần hụi thì bẻ hụi, với số tiền là 32.000.000đ (ký hiệu dây hụi 15D).

14. Dây hụi khui ngày 07/11/2017 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 21 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 32 lần của 02 phần thì bẻ hụi, với số tiền là 32.000.000đ (ký hiệu dây 16D).

15. Dây hụi khui ngày 20/02/2018 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 15 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 15.000.000đ (ký hiệu dây hụi 18D).

16. Dây hụi khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 15 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 15.000.000đ (ký hiệu dây hụi 19D).

17. Dây hụi khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 24 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 15 lần thì bẻ hụi, với số tiền là 15.000.000đ (ký hiệu dây hụi 21D).

18. Dây hụi khui ngày 15/11/2018 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 21 phần, tôi tham gia 04 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 48 lần của 04 phần thì bẻ hụi, với số tiền là 48.000.000đ (ký hiệu dây hụi 27D).

19. Dây hụi khui ngày 05/02/2019 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 25 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 22 lần của 02 phần thì bề hụi, với số tiền là 22.000.000đ (ký hiệu dây hụi 29D).

20. Dây hụi khui ngày 10/8/2019 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 25 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 18 lần của 02 phần thì bề hụi, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hụi 1A).

21. Dây hụi khui ngày 08/02/2020 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 04 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 28 lần của 04 phần hụi thì bề hụi, với số tiền là 28.000.000đ (ký hiệu dây hụi 3A).

22. Dây hụi khui ngày 12/8/2020 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 4 lần, hụi 1.000.000đ, có 22 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 10 lần của 02 phần thì bề hụi, với số tiền là 10.000.000đ (ký hiệu dây hụi 5A).

23. Dây hụi khui ngày 15/11/2019 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 50 lần của 02 phần hụi thì bề hụi, với số tiền là 50.000.000đ (ký hiệu dây hụi 20B).

24. Dây hụi khui ngày 15/12/2019 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 500.000đ, có 25 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 24 lần thì bề hụi, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây hụi 23B).

25. Dây hụi khui ngày 15/02/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 22 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 22 lần, với số tiền là 22.000.000đ (ký hiệu dây hụi 27B).

26. Dây hụi khui ngày 15/12/2019 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 500.000đ, có 25 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 22 lần thì bề hụi, với số tiền là 11.000.000đ (ký hiệu dây hụi 28B).

27. Dây hụi khui ngày 25/4/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 19 lần, với số tiền là 19.000.000đ (ký hiệu dây hụi 6D).

28. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 500.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 19 lần thì bề hụi, với số tiền là 9.500.000đ (ký hiệu dây hụi 8D).

29. Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 500.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống

cho bà H đầy đủ là 36 lần của 02 phần thì bề hụi, với số tiền là 18.000.000đ (ký hiệu dây hụi 9D).

30. Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 28 lần của 02 phần, với số tiền là 28.000.000đ (ký hiệu dây hụi 19D).

31. Dây hụi khui ngày 15/01/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 03 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 30 lần của 03 phần hụi, với số tiền là 30.000.000đ (ký hiệu dây hụi 3A).

32. Dây hụi khui ngày 15/01/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 03 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 30 lần của 03 phần hụi, với số tiền là 30.000.000đ (ký hiệu dây hụi 4A).

33. Dây hụi khui ngày 15/5/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 12 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây hụi 13A).

34. Dây hụi khui ngày 15/5/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 12 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây hụi 14A).

35. Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 12 lần, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây hụi 27D).

36. Dây hụi khui ngày 15/02/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 09 lần, với số tiền là 9.000.000đ (ký hiệu dây hụi 7A).

37. Dây hụi khui ngày 09/02/2021 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 09 lần, với số tiền là 9.000.000đ (ký hiệu dây hụi 8A).

38. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần, với số tiền là 17.000.000đ (ký hiệu dây hụi 11D).

39. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 500.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần, với số tiền là 8.500.000đ (ký hiệu dây hụi 12D).

40. Dây hụi khui ngày 15/8/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 30 lần của 02 phần, với số tiền là 30.000.000đ (ký hiệu dây hụi 18D).

41. Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 12 lần, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây 27D).

42. Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 12 lần, với số tiền là 12.000.000đ (ký hiệu dây 28D).

43. Dây hụi khui ngày 15/8/2014 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 03 lần, hụi 1.000.000đ, có 23 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 42 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 42.000.000đ (ký hiệu dây 18C).

44. Dây hụi khui ngày 15/8/2014 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 03 lần, hụi 1.000.000đ, có 24 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 42 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 42.000.000đ (ký hiệu dây 19C).

45. Dây hụi khui ngày 15/8/2016 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 2.000.000đ, có 24 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 21 lần, với số tiền là 42.000.000đ (ký hiệu dây 5D).

46. Dây hụi khui ngày 07/5/2019 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 24 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 20 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 20.000.000đ (ký hiệu dây 30D).

47. Dây hụi khui ngày 15/02/2021 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 27 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 03 lần, với số tiền là 3.000.000đ (ký hiệu dây 8A).

48. Dây hụi khui ngày 12/5/2018 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 1.000.000đ, có 22 phần, tôi tham gia 01 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 14 lần, với số tiền là 14.000.000đ (ký hiệu dây 23D).

49. Dây hụi khui ngày 30/02/2020 âm lịch, hụi tháng khui 01 lần, hụi 200.000đ, có 24 phần, tôi tham gia 02 phần, dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 48 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 9.600.000đ (ký hiệu dây 1D).

Tổng cộng số tiền hụi theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung mà bà T yêu cầu bà H, ông D phải trả là 1.037.600.000 đồng.

Đến tháng 02/2022 âm lịch thì bà H đã vỡ hụi hoàn toàn, bà T có đến gặp bà H để giải quyết về các dây hụi, thì bà H nói không còn khả năng hoàn trả và hứa hẹn nhiều lần là sẽ bán đất để trả tiền và kéo dài cho đến nay.

Bà H có đưa bà T (trong sổ bà H ghi là ứng) 02 lần với số tiền 50.000.000 đồng, cản trở nên bà H và ông D còn nợ lại số tiền hụi là 987.600.000đ. Nay do hụi bà H tuyên bố đã bể và không còn tổ chức khui hụi nữa nên bà T yêu cầu bà H và ông D phải trả số tiền nợ hụi của 49 dây hụi là 987.600.000đ, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà H và ông D có mượn bà T số tiền là 534.850.000đ (vào ngày 20/8/2021) và 07 chỉ vàng 24kr (vào ngày 25/5/2021). Nay bà T yêu cầu bà H và ông D phải trả số tiền mượn là 534.850.000đ và 07 chỉ vàng 24kr, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa bị đơn bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Ông bà là chủ hội, bà Phạm Thị T (tên gọi khác là Tư H) có tham gia góp 49 dây hội do ông bà làm chủ hội như bà T trình bày như trên là đúng. Ông bà thống nhất với bà T về số dây hội, số phần và số lần đóng hội như bà T trình bày. Nhưng nay do hội đã bể, ông bà không có khả năng trả lãi hội như đã thỏa thuận lúc chơi hội với các hội viên, nên yêu cầu được trả tiền hội vốn, xin không trả lãi vì ông bà cũng bị các tay em khác giật hội nên mới không còn khả năng đóng hội nữa. Nay ông bà đồng ý trả cho bà T số tiền hội vốn của 49 dây hội tổng cộng là 602.100.000đ, có trả được cho bà T 50.000.000đ, cần trừ nên còn nợ lại bà T số tiền nợ hội tổng cộng là: 552.100.000đ, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ. Do trước đây lúc bể hội thì các hội viên và bà có họp mặt lại và thống nhất cho ông bà được trả tiền vốn (việc thỏa thuận bằng miệng).

Ngoài ra ông bà có mượn bà T số tiền là 534.850.000đ và 07 chỉ vàng 24kr. Do hiện tại không có khả năng trả một lần nên xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

** Bà T không đồng ý đối với yêu cầu xin trả tiền hội vốn và xin trả dần của bà H, ông D. Yêu cầu trả tiền hội có lãi và trả phần tiền, vàng đã vay làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, hiều, phường; Khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị T (Tư H).

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ hội là 987.600.000đ, số tiền nợ vay là 534.850.000đ, (tổng cộng tiền hội và tiền vay là 1.522.450.000đ) và trả số vàng vay là 07 chỉ vàng 24K. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 20/9/2022, bị đơn bà Từ Thị H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh*

Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo hướng cho bà được trả tiền hồi vốn là 552.100.000 đồng, tiền vay là 534.850.000 đồng và 07 chỉ vàng 24kr và cho trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền, vàng nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bà H giữ yêu cầu kháng cáo theo đơn và bổ sung yêu cầu bà T trả số tiền nợ hồi là 18.090.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của bà Từ Thị H nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, quá trình giải quyết sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hồi 987.600.000 đồng, số tiền mượn 534.850.000 đồng, số vàng mượn là 07 chỉ vàng 24kr; nên xác định tranh chấp “Hợp đồng góp hồi, hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản” là phù hợp, vì vậy cần điều chỉnh bổ sung quan hệ tranh chấp cho đầy đủ theo quy định. Tranh chấp thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho bà H trả số tiền vốn của nợ hồi là 552.100.000 đồng. Đối với số tiền mượn 534.850.000đ và 07 chỉ vàng 24kr bà H đồng ý trả nhưng yêu cầu trả dần hàng tháng.

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất việc bà T (Tư H) có tham gia 49 dây hồi do bà H, ông D làm chủ; thống nhất số tiền bà H, ông D nợ bà T của 49 dây hồi là 1.037.600.000 đồng (bao gồm số tiền bà T đóng hồi và lãi hồi), trong đó số tiền thực tế bà T đóng hồi (tiền vốn) là 602.100.000 đồng, số tiền chênh lệch 1.037.600.000đ - 602.100.000đ = 435.500.000 đồng là tiền lãi hồi; bà H, ông D có trả cho bà T 50.000.000 đồng tiền

nợ hội; Ngoài ra, vào ngày 20/8/2021 bà H và ông D mượn của bà T số tiền 534.850.000 đồng và ngày 25/5/2021 mượn 07 chỉ vàng 24kr; đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về xét kháng cáo đối với số tiền góp hội:

Bà H và ông D tổ chức làm chủ nhiều dây hội có nhiều hội viên tham gia, riêng bà T (tên thường gọi là Tư H) tham gia 49 dây hội bắt đầu từ tháng 8/2014 cho đến tháng 02/2022(âl) thì bà H tuyên bố bẻ hội. Tại thời điểm bẻ hội bà H và ông D nợ bà T tiền góp hội và tiền lãi hội của 49 dây hội là 1.037.600.000 đồng.

Bà H khai, khi bẻ hội giữa bà và các hội viên có thỏa thuận bằng lời nói là cho bà trả tiền vốn hội nhưng không được phía bà T thừa nhận, bà H cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận lời trình bày này.

Xét thấy, Theo điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hội khi được lĩnh hội. Như vậy, thực tế, tiền lãi mà các thành viên trong dây hội được nhận là do thành viên lĩnh hội trả, không phải do chủ thảo chi trả. Tuy nhiên, khi có thành viên không góp phần hội của họ khi đến kỳ mở hội thì trách nhiệm của chủ thảo là nộp thay phần hội của thành viên này theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Mặt khác, bà H và ông D thừa nhận các dây hội là hội có lãi, giữa ông bà và các hội viên có thỏa thuận là ai kêu hót được hội thì ông bà phải trả tiền hội vốn và tiền lãi cho người hót hội và người hót hội phải trả cho ông bà số tiền huê hồng (b1 81). Trong giao dịch góp hội của 49 dây hội này, phía bà T đã hoàn thành nghĩa vụ hội viên của mình, nhưng về phía bà H – ông D chưa hoàn thành trách nhiệm của chủ thảo là vi phạm thỏa thuận giữa ông bà và bà T.

Đồng thời, bà H và ông D tổ chức các dây hội nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên là phù hợp. Thực tế, việc tính lại lãi suất chênh lệch không nhiều so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các dây hội đã bắt đầu mở (khui) từ năm 2014.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D là chủ thảo các dây hội, việc ngưng hội hoàn toàn là lỗi của bà H và ông D, hơn nữa dù ngưng hội nhưng bà H và ông D vẫn được trả hoa hồng, do đó bà H và ông D có trách nhiệm hoàn trả số tiền hội (có lãi) mà bà T được hưởng trong 49 dây hội mà bà T đã tham gia, tổng cộng là 1.037.600.000 đồng, được trừ số tiền 50.000.000 đồng đã trả, nên bà H và ông D phải trả số tiền nợ hội còn lại là 987.600.000đồng.

[2.3]. Về yêu cầu kháng cáo xin trả dần số tiền nợ hội, tiền mượn 534.850.000 đồng và 07 chỉ vàng 24kr.

Xét thấy, bà H và ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hui và số tiền, vàng đã mượn của bà T đến nay đã khá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần mỗi tháng không được phía bà T đồng ý; nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung của bà H, yêu cầu bà T trả tiền nợ hui trong các dây hui bà T đã hốt ngoài 49 dây hui trên là 18.090.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này là vượt quá yêu cầu kháng cáo và chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị T (Tur H).

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ hui là 987.600.000đ, số tiền nợ vay là 534.850.000đ (tổng cộng tiền hui và tiền vay là 1.522.450.000đ) và trả số vàng nợ là 07 (bảy) chỉ vàng 24K. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 29.162.000 đồng, theo biên lai thu số 0016544, ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- THADS Huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt